

Tư Nghĩa, ngày 22 tháng 5 năm 2026

BIÊN BẢN
Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường
Năm học 2025-2026

I. Thời gian: 7 giờ 30 phút ngày 22 tháng 5 năm 2026

II. Địa điểm: Trường THCS Nghĩa Thương

III. Thành phần:

- Chủ trì: Ông : Phạm Nhân Tạo Chức vụ: Hiệu trưởng
- Thư ký: Bà : Huỳnh Thị Cẩm Tiên Chức vụ: Thư ký
- Cùng tất cả các thành viên trong Hội đồng đánh giá mức độ chuyển đổi số

Trường THCS Nghĩa Thương.

IV. Nội dung

Thực hiện Công văn số 1111/UBND-VHXH, ngày 20/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa về việc báo cáo kết quả đánh giá kết quả mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở trực thuộc UBND xã; Trường THCS Nghĩa Thương đã tiến hành tự đánh giá, mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau:

1. Chuyển đổi số trong dạy, học

Tiêu chí 1.1

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến.

b) Minh chứng: Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến số 05, ngày 20/9/2025.

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2

a) Kết quả triển khai:

Quyết định ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

b) Minh chứng: Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (QĐ ban hành Quy chế số 10, ngày 20/9/2025)

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.3

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến như Google Meet, Zoom, Google Classroom; các nhóm Zalo giáo viên và học sinh. Giáo viên sử dụng hệ thống để giao nhiệm vụ học tập, hướng dẫn học sinh học tập và tương tác trong quá trình dạy học.

b) Minh chứng: Hệ thống Google Classroom, Zoom Meeting, Google meet, các nhóm Zalo

c) Điểm tự đánh giá: 10/30 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Tiêu chí 1.4

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai xây dựng học liệu số; giáo viên thực hiện số hóa bài giảng, ngân

hàng câu hỏi, video bài học, tư liệu giảng dạy điện tử phục vụ công tác giảng dạy.

b) Minh chứng: Kho học liệu số; Danh mục học liệu số; Bài giảng điện tử.

c) Điểm tự đánh giá: 5/10 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Tiêu chí 1.5

a) Kết quả triển khai:

Triển khai kiểm tra, đánh giá trên máy tính thông qua các phần mềm và nền tảng trực tuyến.

b) Minh chứng: Kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2025 – 2026 (Số 02/KHKT - THCSNT, ngày 21/9/2025); Phần mềm tổ chức kiểm tra trên máy tính:

c) Điểm tự đánh giá: 10/20 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Tiêu chí 1.6

a) Kết quả triển khai:

100% giáo viên có tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến; giáo viên thường xuyên sử dụng phần mềm, công cụ hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và xây dựng học liệu số.

b) Minh chứng: Danh sách tài khoản; Giấy chứng nhận tập huấn; Hồ sơ minh chứng ứng dụng CNTT.

c) Điểm tự đánh giá: 17/20 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3

Tiêu chí 1.7

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường có hệ thống mạng Internet ổn định; các phòng học được trang bị tivi phục vụ dạy học; phòng máy Tin học đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học môn Tin học.

b) Minh chứng: Danh mục thiết bị; Biên bản kiểm kê tài sản; Hình ảnh phòng máy.

c) Điểm tự đánh giá: 08/20 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Kết quả tự đánh giá Tiêu chí 1:

Tổng điểm: 50/100 điểm

Xếp loại mức độ: Mức độ 2

2. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Tiêu chí 2.1

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

b) Minh chứng: Quyết định thành lập Tổ CNTT số 12 ngày 18/9/2025; Phân công nhiệm vụ.

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số hằng năm.

b) Minh chứng: Kế hoạch chuyển đổi số, số 03 ngày 15/9/2025

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai hệ thống quản trị nhà trường trên phần mềm VnEdu, SMAS; sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và quản lý đội ngũ, cơ sở vật chất.

b) Minh chứng: Hệ thống VnEdu; Sổ điểm điện tử; Hồ sơ quản lý điện tử.

c) Điểm tự đánh giá: 52/70 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3

Tiêu chí 2.4

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo, VnEdu; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.

b) Minh chứng: Thông báo tuyển sinh; Hệ thống VnEdu; Hồ sơ thanh toán điện tử.

c) Điểm tự đánh giá: 26/30 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3

Kết quả tự đánh giá Tiêu chí 2:

Tổng điểm: 78/100 điểm

Xếp loại mức độ: Mức độ 3

3. Kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị

Tổng điểm tự đánh giá: 128/200 điểm

Điểm quy đổi: 64/100 điểm

Xếp loại mức độ chuyển đổi số: Mức độ 2

(Có bảng tự đánh giá kèm theo)

*** Tự nhận xét, đánh giá**

+ Ưu điểm:

- Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về kỹ năng ứng dụng CNTT, an toàn thông tin và khai thác hiệu quả các phần mềm phục vụ công tác quản lý, dạy và học.

- Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Sở GD&ĐT, Phòng VHXXH đến nhà trường qua phần mềm csdl.moet.gov.vn. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác thống kê, báo cáo trong toàn trường hệ thống quản lý văn bản quản lý CSDL ngành; quản lý cán bộ công chức, viên chức <https://cbccvc.quangngai.gov.vn>; quản lý đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp <https://temis.csdl.edu.vn>, quản lý thu không dùng tiền mặt BIDV.com.vn.....

- Trong công tác giáo dục học sinh, 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

*** Tồn tại, hạn chế:**

- Chưa triển khai việc dạy học trực tuyến do cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo.
- Hệ thống máy tính đã lâu năm nên công tác ứng dụng CNTT còn gặp khó khăn.
- Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định. Tốc độ đường truyền chưa cao.
- Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Vì vậy hiện nay vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử,...) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.
- Một số giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc khai thác hiệu quả các phần mềm, ứng dụng số phục vụ công tác chuyên môn.
- Giáo viên còn kiêm nhiệm nhiều công việc nên việc ứng dụng CNTT và triển khai quản trị về hạ tầng CNTT còn hạn chế.

Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được tất cả các thành viên của Hội đồng tự đánh giá nhất trí.

Biên bản tự đánh giá kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày 22/5/2026.

THƯ KÝ

Huỳnh Thị Cẩm Tiên



CHỦ TRÌ

Phạm Nhân Tạo